

Số: 0 6 2 9 /BC-CMV

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100015 đăng ký lần đầu ngày 23/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/5/2024 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 1.050.000.000.000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm, năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.031.041.000.000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm ba mươi một tỷ, không trăm bốn mươi một triệu đồng*). Chủ sở hữu: Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 04- 36647515 Fax: 04-36647493 Website: www.cmv.vn
- Mã cổ phiếu: MVB.
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP cổ phần hóa Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con từ 01/10/2015. Tổng công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 28/01/2016. Cổ phiếu của Tổng công ty với mã chứng khoán MVB chính thức niêm yết trên sàn giao dịch HNX từ ngày 28/10/2020.

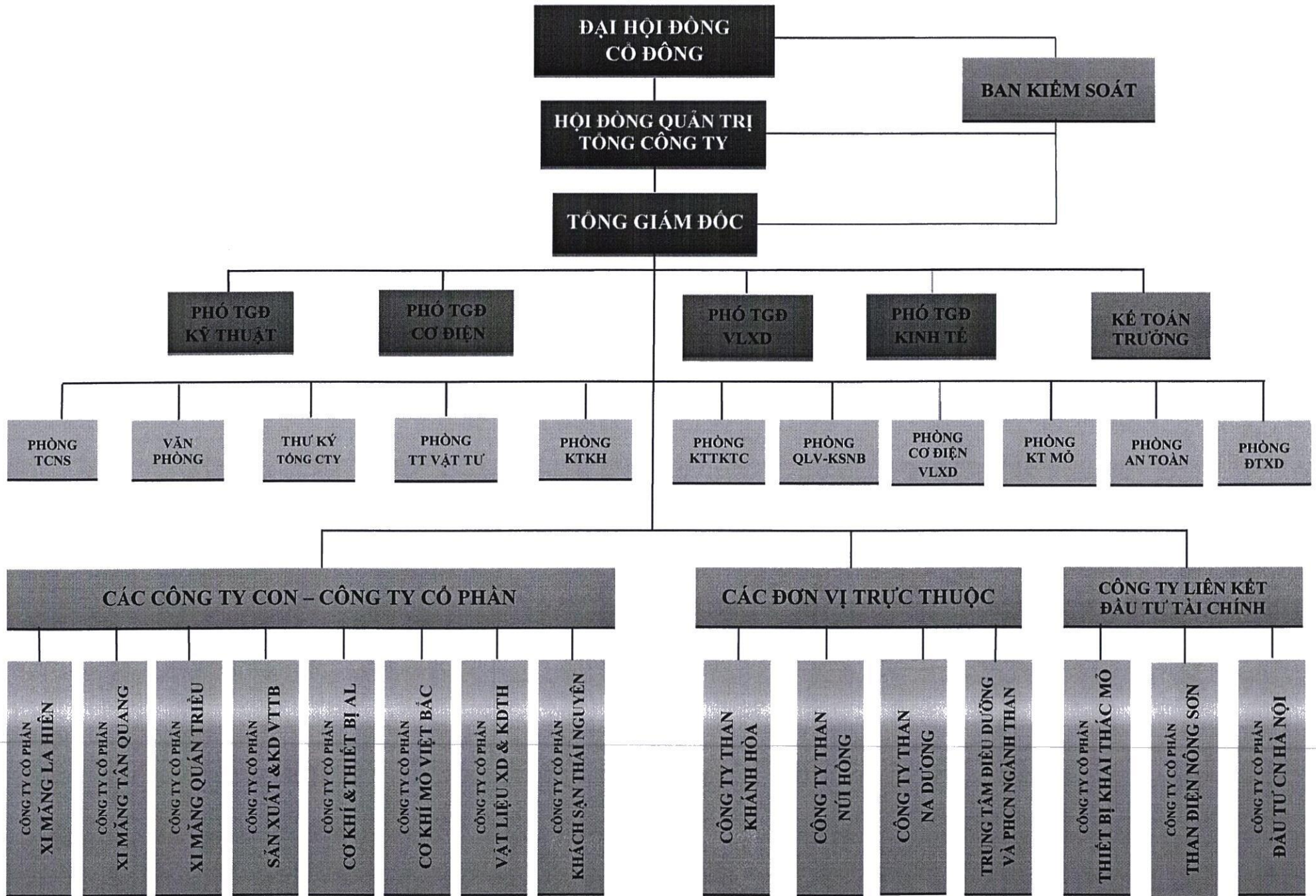
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác và thu gom than; sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng; sản xuất cơ khí và kinh doanh tổng hợp.
- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Hà Nam, Thanh Hóa và các tỉnh phía bắc: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lào Cai, Hà Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: xây dựng ban hành các quy chế quản lý mọi hoạt động của Tổng công ty, kinh doanh đúng pháp luật, tăng trưởng phát triển doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành. Hội đồng quản trị 05 người (trong đó có 01 Thành viên độc lập HĐQT), Ban kiểm soát 03 người. Các Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu.
- Bộ máy điều hành:
 - + Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.
 - + Các phòng chức năng có 10 phòng quản lý nghiệp vụ.
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP có 04 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, 08 Công ty con là công ty cổ phần và 03 Công ty liên kết, đầu tư tài chính (theo sơ đồ tổ chức dưới đây):

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY



4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, không ngừng phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

- **Đối với sản phẩm than**

Duy trì và mở rộng biên giới theo giấy phép khai thác cả chiều sâu và chu vi rộng mở đối với các mỏ than Khánh Hòa, Na Dương và Núi Hồng để khai thác ổn định lâu dài:

a) Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng: Dự án khai thác lộ thiên mỏ Núi Hồng công suất 400 000 tấn TNK/năm kết thúc năm 2025. Do vậy để phát huy năng lực hiện có, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn và các nhà máy xi măng của Tổng công ty, Tổng công ty đã lập dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng với công suất thiết kế 500.000 tấn TNK/năm.

Dự án đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng ngày 15/5/2024.

b) Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Na Dương: Đầu tư mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương công suất từ 600.000 tấn TNK/năm lên 1.200.000 tấn TNK/năm để ứng được nhu cầu than cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương II đi vào hoạt động quý IV năm 2026.

c) Dự án Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hoà (điều chỉnh): Để thực hiện quy hoạch năng lượng số QH 893 của Thủ tướng chính phủ, Tổng công ty đã lập Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hoà (điều chỉnh) với công suất thiết kế 450.000 tấn TNK/năm

Dự án đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thông qua nội dung điều chỉnh ngày 20/12/2024.

- **Đối với các sản phẩm của các công ty con (Công ty cổ phần)**

* **Sản phẩm xi măng:** Phát huy công suất các nhà máy xi măng đã đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo chất lượng, thương hiệu được người tiêu dùng ưa chuộng. Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến hợp lý hoá các dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ.

* **Sản phẩm cơ khí:** Nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, đầu tư các thiết bị gia công cơ khí có độ chính xác cao, đảm bảo cung ứng phụ tùng cho sản xuất than, khoáng sản, điện, xi măng và sản xuất khác trong ngành và vươn ra thị trường ngoài ngành. Đầu tư chiều sâu để cơ khí sửa chữa đảm đương được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đủ sức sửa chữa các thiết bị tiên tiến yêu cầu kỹ thuật cao.

* **Sản xuất khác:** Kết hợp cả đầu tư chiều sâu và chiều rộng để phát triển phù hợp với sự tăng trưởng của Tổng công ty, Tập đoàn đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Chú trọng phát triển những sản phẩm hiện có như: vỏ bao xi măng, vỏ bao alumin, sản phẩm khai thác đá các loại, đất sét, v.v.....

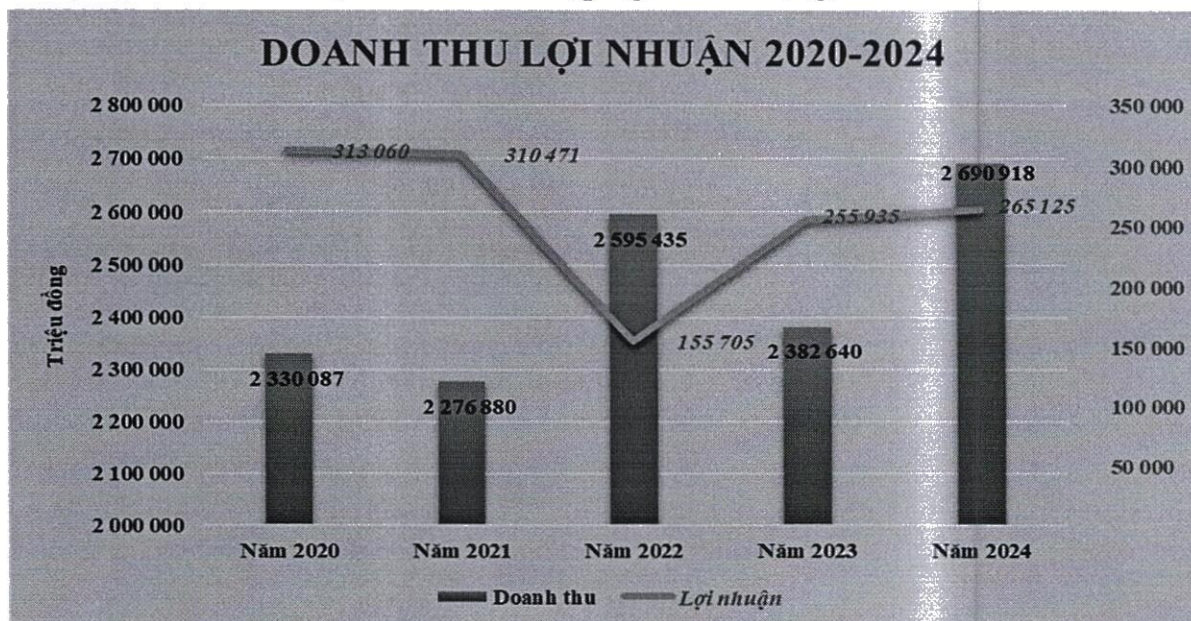
II. Tình hình hoạt động năm 2024:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
+	Than nguyên khai	1.000 tấn	1.126	988	87,73
+	Bóc đất đá SX	1.000 m ³	9.970	9.359	93,88
+	Than sạch SX và nhập khẩu	1.000 tấn	1.400	1.291	92,27
+	Than tiêu thụ	1.000 tấn	1.400	1.275	91,07
2	Vốn điều lệ	Tr.đ	1.050.000	1.050.000	100,00
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.436.362	2.690.919	110,45
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	300.762	265.126	88,15
5	Nộp thuế TNDN	Tr.đ	60.152	58.908	97,93
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	240.610	219.116	91,07
7	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	≥ 9%	Dự kiến 11%	
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đ	88.444	134.512	152,09

Năm 2024, tình hình kinh tế thế giới và trong nước đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, biến động địa chính trị toàn cầu còn phức tạp. Trong khi đó công tác đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ khai thác than ngày càng khó khăn, diện sản xuất chật hẹp; thị trường tiêu thụ xi măng cạnh tranh khốc liệt ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Bộ máy điều hành Tổng công ty với sự chỉ đạo thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ và người lao động, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã tích cực triển khai các giải pháp linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, đoàn kết nhất trí khắc phục mọi khó khăn; thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong nước, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Bằng những quyết sách đúng đắn, các giải pháp đồng bộ và công tác chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã có hiệu quả đảm bảo việc làm và thu nhập người lao động.



III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2024, hoạt động khai thác than của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng do chưa chuyên đổi được mục đích sử dụng đất (Na Dương), thành phố Thái Nguyên chưa bố trí được quỹ đất tái định cư, nên các hộ dân chưa bàn giao mặt bằng cho các công ty than; tiêu thụ than cho nhà máy Nhiệt điện Na Dương giảm, mỏ Na Dương tạm dừng khai thác than khu II nơi than chất lượng tốt nên phải nhập than chất lượng cao về phối trộn, bờ trụ khu III mỏ Na Dương trượt lở lớn nên phát sinh chi phí để xử lý để đảm bảo an toàn v,v.....song các đơn vị đã tích cực, chủ động điều hành tổ chức sản xuất sát với điều kiện khai thác của từng đơn vị, tổ chức sản xuất hợp lý nâng cao năng suất thiết bị, đáp ứng nhu cầu than cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương, Cao Ngạn và các đơn vị sản xuất xi măng trong Tổng công ty.

- Năm 2024, ngành xi măng vẫn chịu ảnh hưởng của tình hình thế giới, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi, nguồn cung xi măng vượt xa so với cầu; giá nguyên, nhiên liệu cho đầu vào cho sản xuất xi măng vẫn ở mức cao v,v.... Trong điều kiện thị trường tiêu thụ xi măng trong nước khó khăn, cạnh tranh gay gắt, các đơn vị sản xuất xi măng của Tổng công ty đã nỗ lực vượt bậc trong công tác tiêu thụ xi măng.

- Tổng công ty và các đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn thiện lại cơ chế quản lý trong các lĩnh vực với trung tâm là cơ chế khoán quản trị chi phí nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý và động lực mạnh mẽ hơn tăng hiệu quả kinh doanh, rà soát ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất, giảm giá thành trong tình hình mới.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020–2025 đã được các cấp phê duyệt. Tổng công ty tuyển dụng lao động theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt, lao động tuyển mới chủ yếu thay thế lao động nghỉ hưu và chấm dứt hợp đồng lao động, chất lượng và ngành nghề đào tạo của lao động tuyển mới cơ bản đảm bảo yêu cầu, đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

- Các đơn vị trong Tổng công ty đã thực hiện các nhóm giải pháp về thu hút người lao động có tay nghề cao, trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, ban hành các quy định về trả lương lũy tiến, trả lương giờ, trả lương gắn với hiệu quả công việc (KPi).

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

1) Trịnh Hồng Ngân: Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

- + Cá nhân sở hữu: 14.700 cổ phần.
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

2) Vũ Minh Tân: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1967
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: Không.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI.
 - + Thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ.
 - + Thành viên HĐQT Công ty CP Than Điện Nông Sơn-TKV.

3) Nguyễn Văn Dũng: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu : Không.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sản xuất và KD VTTB-VVMI.

4) Phạm Thanh Hải: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: Không.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật liệu xây dựng và KDTH-VVMI.

5) Nguyễn Thạc Tân: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp; Kỹ sư Khai thác Mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu: 2.300 cổ phần.
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực-VVMI.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên-VVMI.

6) Lê Minh Hiễn: Kế toán trưởng Tổng công ty

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1981

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế; Cử nhân kế toán, Kỹ sư Khai thác mỏ.
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.
 - + Cá nhân sở hữu : 1.000 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

2.2. *Những thay đổi trong Ban điều hành:* không có sự thay đổi.

2.3. *Số lượng cán bộ, nhân viên và tiền lương bình quân:*

- Tổng số cán bộ, người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP tại ngày 04/3/2025 là 1.705 người (Công ty than Núi Hồng: 523 người; Công ty than Khánh Hòa: 559 người; Công ty than Na Dương: 516 người; Trung tâm điều dưỡng ngành than: 18 người; Cơ quan Tổng công ty: 89 người)
- Tiền lương bình quân của người lao động năm 2024: 14.171.517 đồng/người-tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng năm 2024:

Năm 2024, giá trị thực hiện đầu tư là 134.512 triệu đồng bằng 152,09% kế hoạch năm. Trong năm 2024 các đơn vị sản xuất than đã thực hiện đầu tư các công trình xây dựng và các thiết bị phục vụ sản xuất như:

- Dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 Mỏ than Khánh Hòa, Núi Hồng, Na Dương.
- Dự án tuyến đường từ Nhà điều hành đến Phân xưởng cơ điện, Dự án đầu tư xây dựng các công trình phục vụ sản xuất Mỏ than Khánh Hòa;
- Dự án đầu tư trạm cân ô tô 120 tấn-Mỏ than Na Dương;

Các dự án được triển khai khẩn trương đảm bảo tuân thủ qui định hiện hành, các công trình đưa vào sử dụng đều đã phát huy được hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, cũng như từng bước thay thế các thiết bị hết khấu hao.

3.2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn:

*** Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng:**

Tổng công ty đã lập hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại các Sở, ngành, địa phương tỉnh của tỉnh Thái Nguyên đang xem xét thẩm định. Sau khi chủ trương đầu tư dự án được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt, Tổng công ty sẽ thực hiện các công việc: (1) Hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, phê duyệt; (2) Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; (3) Trình Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; (4) Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt dự án Mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng.

*** Điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa:**

- Tổng công ty đã lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000047 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 11/12/2014, Tổng công ty đã nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại các Sở, ngành, địa phương tỉnh của tỉnh Thái Nguyên đang xem xét thẩm định. Sau khi Giấy chứng nhận đầu tư dự án được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh, Tổng công ty sẽ thực hiện các công việc: (1) Hoàn thiện hồ sơ

báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, phê duyệt; (2) Thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; (3) Trình Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; (4) Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt điều chỉnh Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa.

** Dự án Mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương:*

Tổng công ty đã trình Cục Khoáng sản Việt Nam xin cấp Giấy phép khai thác. Thực hiện yêu cầu của Cục Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty đã hoàn thiện và nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép khoáng sản cho Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương (lần 3) tại Văn phòng tiếp nhận Cục Khoáng sản Việt Nam ngày 02/12/2024. Cục Khoáng sản Việt Nam có gửi Hội đồng trữ lượng khoáng sản quốc gia xin ý kiến về trữ lượng được phép đưa vào thiết kế của dự án.

Hội đồng trữ lượng khoáng sản quốc gia đã xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác, Tổng công ty tiếp tục làm việc với Cục Khoáng sản Việt Nam về việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đã đầu tư tại Mỏ than Na Dương, tỉnh Lạng Sơn để sớm được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho dự án.

** Những vướng mắc khó khăn trong việc thực hiện các dự án đầu tư:*

- Việc xin cấp chủ trương đầu tư các dự án mỏ gặp nhiều khó khăn do vướng mắc về quy hoạch sử dụng đất.

- Công tác cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản chưa thực hiện được do chờ Thủ tướng chính phủ cho phép sử dụng Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2012-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QH 893) để thực hiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản.

3.3. Đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết:

a) Đầu tư vào công ty con:

TT	Công ty con	Vốn điều lệ (1000 đ)	Tỷ lệ góp	Doanh thu SXKD (đ)	Lợi nhuận trước thuế (đ)
1	Công ty CP Cơ khí và TBAL-VVMI	12.000.000	51%	492.301.423.003	2.940.735.531
2	Công ty CP SX& KD VTTB-VVMI	12.500.000	51%	353.149.272.622	3.903.821.127
3	Công ty CP VLXD và KDTH-VVMI	7.500.000	51%	42.052.679.926	680.234.947
4	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	10.080.000	51%	159.124.498.373	2.373.606.932
5	Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI	250.000.000	84.91%	592.693.625.998	4.196.626.625
6	Công ty CP KS Thái Nguyên-VVMI	7.500.000	51%	26.575.059.179	84.558.800
7	Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI	120.000.000	51.38%	661.186.027.676	48.504.796.282
8	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	350.000.000	57.14%	844.847.567.958	55.335.314.470

b) Đầu tư vào công ty liên kết:

TT	Công ty	Vốn ĐL (tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	6 000	29%	

c) Đầu tư dài hạn khác:

TT	Công ty	Vốn ĐL (tr.đ)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Than điện Nông Sơn	140 000	10.80%	
2	Công ty CP Đầu tư CN Hà Nội	100 000	1.5%	

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính (Từ 01/01/2024 – 31/12/2024):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (Công ty mẹ)	Năm 2023 (Công ty mẹ)	Tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	2.098.303.041.122	1.930.452.354.605	8,69
2	Doanh thu thuần	2.690.918.530.768	2.382.640.186.046	12,94
3	Lợi nhuận từ hoạt động KD	219.937.856.289	256.302.327.143	-14,19
4	Lợi nhuận khác	45.187.906.942	- 367.346.713	
5	Lợi nhuận trước thuế	265.125.763.231	255.934.980.430	3,59
6	Lợi nhuận sau thuế	219.115.747.187	213.512.216.343	2,62
7	Tỷ lệ trả cổ tức		13%	

b. Các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2024 (Công ty mẹ)	Thời điểm 31/12/2023 (Công ty mẹ)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,82	2,19
	- Hệ số thanh toán nhanh	1,27	1,47
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,23	0,19
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,3	0,23
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho	10	11
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,14%	8,96%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	16,23%	16,14%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)	10,88%	10,74%
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	8,17%	10,76%

c. Tình hình tài sản công ty mẹ:

Tài sản của công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV –CTCP tại thời điểm 31/12/2024 là: 2.098.303.041.122 đồng, tại thời điểm 31/12/2023 là 1.930.452.354.605 đồng.

Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2024 là 456.116.183.135 đồng.

d. Tình hình nợ phải trả công ty mẹ:

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 là 489.742.418.441 đồng. Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn là 406.808.209.375 đồng

+ Nợ dài hạn là 82.934.209.066 đồng

+ Không có nợ phải trả xấu, không bị ảnh hưởng xấu của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Một số chỉ tiêu tài chính (BC hợp nhất)

1. Hệ số Nợ phải trả /Vốn CSH: 0,53
2. Hệ số bảo toàn vốn: 1,01
3. Tỷ suất lợi nhuận: ROE = 15,24% ; ROA = 8,51%
4. Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,37
5. Hệ số thanh toán nhanh: 0,98
6. Doanh thu, chi phí, kết quả:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5.273.038.459.513	4.887.887.393.320
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		5.070.401.390	4.582.870.162
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.267.968.058.123	4.883.304.523.158
4. Giá vốn hàng bán	11		4.510.763.114.513	4.046.000.855.299
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp DV	20		757.204.943.610	837.303.667.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13.912.072.842	25.448.778.056
7. Chi phí tài chính	22		28.535.964.553	53.889.295.749
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		17.935.869.391	45.460.059.399
8. Chi phí bán hàng	25		100.952.568.105	106.096.632.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		349.858.218.760	340.157.918.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		291.770.265.034	362.608.599.542
11. Thu nhập khác	31		51.081.697.720	4.382.853.241
12. Chi phí khác	32		5.975.943.209	2.880.441.777
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		45.105.754.511	1.502.411.464
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		336.876.019.545	364.111.011.006
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		82.748.150.800	68.651.141.311
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(12.897.638.648)	1.912.772.878
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		267.025.507.393	293.547.096.817
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		225.075.572.376	243.600.302.117
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không	62		41.949.935.017	49.946.794.700

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			Năm nay	Năm trước
kiểm soát				
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		1.836	1.902

e. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Tổng công ty: 105.000.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần). Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 1.895.900 cổ phần, số còn lại: 103.104.100 cổ phần thuộc sở hữu nhà nước là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103 104 100	98,194%
2	Cổ đông pháp nhân trong nước	5 000	0,005%
3	Cổ đông thể nhân trong nước	1 820 679	1,734%
4	Cổ đông là thể nhân nước ngoài	70 221	0,067%
	Tổng cộng	105 000 000	100%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty:

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Địa chỉ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103.104.100	98,194%	Số 226 Đường Lê Duẩn - Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự thay đổi trong kỳ báo cáo.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có đợt phát hành chứng khoán khác trong kỳ

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:


- Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính cụ thể như sau:

+ Hàng năm thực hiện tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về công tác bảo vệ môi trường cho các cán bộ công nhân viên.

+ Trồng cây phủ xanh tại các khu vực đất trống ở công trường, bãi thải, khu vực văn phòng làm việc, tuyến đường giao thông.

+ Duy tu bảo dưỡng thường xuyên, cải tiến các thiết bị máy móc đảm bảo kỹ thuật, an toàn và giảm thiểu tiếng ồn, giảm phát thải.

+ Định kỳ bảo dưỡng, cải tiến các thiết bị xử lý bụi, khí thải như hệ thống xử lý lọc bụi túi vải, tĩnh điện; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải tại



các khu vực phát sinh để giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh.

+ Thường xuyên tưới đường, vận hành hệ thống phun sương trong và ngoài khu vực sản xuất.

- Tổng chi phí cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2024 tại các đơn vị khai thác than là 59,434 tỷ đồng, Trong đó:

+ Chi phí môi trường thường xuyên là: 4,781 tỷ đồng;

+ Chi phí xử lý nước thải khai trường mỏ là: 54,653 tỷ đồng.

- Đầu tư, mua sắm các thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên nhiên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên nhiên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm (sản xuất khai thác than): 421,3 tỷ đồng.

- Dầu diezen thiết bị khai thác than: 16.856.578 lít (tương ứng 294 tỷ đồng);

- Xăng ô tô các loại: 70.188 lít (tương ứng 1,45 tỷ đồng);

- Nguyên vật liệu khác tương ứng 125,7 tỷ đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên nhiên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: không tái chế và được bán cho đơn vị có chức năng tái chế để đảm bảo vệ sinh môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp các đơn vị sản xuất than thuộc Công ty mẹ và Văn phòng Tổng công ty năm 2024 là: 17.411.126 kW

6.4. Tiêu thụ nước: Trong năm 2024 lượng nước tiêu thụ dùng cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 38.940 m³; nguồn cung cấp nước được mua từ các đơn vị KD nước sạch trên địa bàn và nước giếng khoan tại đơn vị.

- Lượng nước dùng cho sản xuất phục vụ tưới đường giảm bụi: 262.969 m³; nguồn nước được lấy từ suối, hồ tự nhiên hiện có và nước sau xử lý của công ty môi trường.

- Lượng nước phục vụ cho phun sương dập bụi: 153.068 m³; nguồn nước được lấy từ moong chứa, hồ chứa và nước sau xử lý của Công ty môi trường.

- Lượng nước tái chế sử dụng phục vụ cho việc rửa xe: 1.257 m³; nguồn nước sau xử lý của trạm xử lý nước thải rửa xe.

- Lượng nước sử dụng trong sinh hoạt đều được thu gom qua các hệ thống bể lắng và xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Các nguồn nước dùng cho rửa xe và vệ sinh mặt bằng sân công nghiệp v,v...đều được thu gom, xử lý qua các hệ thống đạt quy chuẩn để tái sử dụng hoặc xả thải ra môi trường.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Tổng lượng nước tái chế tái sử dụng là 1.257 m³ (lượng nước tái sử dụng này ở tại trạm xử lý nước thải rửa xe của Công ty than Núi Hồng) và được sử dụng hoàn toàn.

*** Đánh giá liên quan đến môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng và phát thải):**

- Tiêu thụ nước: Lượng nước sinh hoạt sử dụng được mua từ các Công ty có chức năng được phép cung cấp như Công ty CP Nước sạch Thái Nguyên, Công ty CP VIWACO, Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình-Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn.

- Lượng nước bơm từ giếng khoan có giấy phép khai thác và không làm ảnh hưởng đến mực nước trong khu vực.

- Nguồn năng lượng tiêu thụ: Đơn vị sử dụng chủ yếu là điện năng, các đơn vị luôn ý thức tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng các thiết bị trong giờ cao điểm.

- Về khí thải và rác thải trong sản xuất kinh doanh của đơn vị:

+ Khí thải được phát sinh từ ô tô, máy xúc, máy gặt v.v..., để hạn chế lượng khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường Tổng công ty luôn thực hiện việc bảo dưỡng, trung đại tu và thay thế thiết bị theo định kỳ nhằm làm giảm độ rung, tiếng ồn và lượng khí thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

+ Rác thải: Gồm rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường, nguy hại. Rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày tập kết tại các nơi quy định và hàng năm ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định; Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu là đất đá thải sinh ra từ việc khai thác than, lượng đất đá thải này được vận chuyển và đổ thải theo đúng thiết kế của dự án đã được duyệt; Chất thải nguy hại được thu gom phân loại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời của đơn vị, có biển báo, dán tem nhãn chi tiết cho từng loại chất thải và được bảo quản theo quy định. Hàng năm ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý qua các hệ thống xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

6.5. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường:

Công tác bảo vệ môi trường luôn được Tổng công ty quan tâm chỉ đạo và xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với sự phát triển bền vững của các đơn vị trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện theo ĐTM, hệ thống quan trắc môi trường đảm bảo các chỉ số quy định và không bị xử phạt liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động: Do đặc thù là ngành sản xuất khai thác than, người lao động thường xuyên phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ lao động và môi trường độc hại, nên nguy cơ xảy ra sự cố thiết bị, tai nạn lao động và mắc bệnh nghề nghiệp là rất lớn. Vì vậy, hằng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh Tổng công ty đều xây dựng kế hoạch về bảo hộ lao động với các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động; trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện bảo hộ lao động; thường xuyên theo dõi sự phát sinh các yếu tố có hại trong quá trình sản xuất, thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

- Chính sách về phúc lợi cho người lao động: Hằng năm, Tổng công ty đều tổ chức cho CBNLĐ được đi tham quan, nghỉ mát; tổ chức cho người lao động sức

khỏe yếu, có thành tích trong công tác v,v... được nghỉ điều dưỡng tại các cơ sở điều dưỡng của TKV (trong đó ưu tiên với người lao động làm việc trong hầm lò và làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại). Đối với các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh bụi phổi được khám, điều trị bệnh nghề nghiệp, rửa phổi tại Bệnh viện Than-Khoáng sản Việt Nam và được nghỉ điều dưỡng sau rửa phổi tại các cơ sở điều dưỡng của Tập đoàn.

- Thực hiện việc tăng lương cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, của TKV và của Tổng công ty. Có chế độ khen thưởng tùy thuộc vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả đóng góp của người lao động v,v....

- Chính sách tiền lương: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đã ban hành quy chế về quản lý lao động tiền lương dựa trên các căn cứ quy định của nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam. Trả lương căn cứ vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, không hạn chế mức tối đa đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, có đóng góp nhiều cho đơn vị. Phân phối tiền lương đảm bảo công khai, công bằng hợp lý cho từng người, từng bộ phận lao động.

Ngoài việc trả lương theo thời gian, khoán sản phẩm, công việc cho người lao động, Tổng công ty còn áp dụng hình thức bổ sung tiền lương để khuyến khích người lao động làm việc đủ và vượt ngày công lao động định mức, đảm bảo an toàn, tăng năng suất lao động (lũy tiến), tiết kiệm chi phí; bổ sung tiền lương cho NLD vào dịp lễ, tết, ngày thành lập đơn vị v,v.... Chính sách trả lương đã khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chính sách bảo hiểm: Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Chính sách khác: Tổng công ty xây dựng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể với nhiều điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của Nhà nước. Tổng công ty thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống tinh thần, chế độ cho người lao động, tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ trong Tổng công ty, giao lưu với các đơn vị bạn và với địa phương nơi đơn vị đứng chân, tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi bị ốm đau, hiếu hỉ v,v...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với các địa phương nơi có Công ty con, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty đứng chân trên địa bàn, hỗ trợ các địa phương này khắc phục thiệt hại do cơn bão Yari gây ra, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

1. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

Năm 2024 Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trong điều kiện có nhiều khó khăn, đó là:

- Khó khăn về công tác đền bù GPMB tại Công ty than Khánh Hòa, Công ty than Na Dương. Than tiêu thụ cho các nhà máy nhiệt điện giảm, theo chỉ đạo của TKV phải đưa than chủng loại khác về chế biến pha trộn để đáp ứng cho các nhà máy nhiệt điện của TKV.

- Khai thác hầm lò tại mỏ Khánh Hòa phải dừng khai thác để làm thủ tục đóng cửa mỏ.

- Ảnh hưởng của điều kiện thời tiết mưa nhiều, đặc biệt là cơn bão số 3 YAGI làm tăng chi phí sản xuất than.

- Thị trường xi măng năm 2024 mất cân đối cung - cầu, giá nguyên, nhiên liệu cho đầu vào cho sản xuất xi măng vẫn ở mức cao, tiêu thụ nội địa còn yếu, thị trường nhà ở, bất động sản phục hồi chậm, giá cả cạnh tranh gay gắt v,v.....

Dưới sự chỉ đạo thống nhất trong hệ thống chính trị Tổng công ty, sự chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam, sự giúp đỡ của chính quyền các địa phương nơi các đơn vị của Tổng công ty đứng chân trên địa bàn. Tập thể người lao động Tổng công ty đã đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm chi phí, ổn định sản xuất kinh doanh. Tổng công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động:

+ Về khai thác và tiêu thụ than: Khai thác than đảm bảo an toàn, đáp ứng đủ nhu cầu than cho các nhà máy điện, nhà máy xi măng của Tổng công ty.

+ Về sản xuất, tiêu thụ xi măng: Các công ty xi măng của Tổng công ty đã tăng cường công tác quản lý và vận hành thiết bị, nâng cao được năng suất; bám sát thị trường tiêu thụ, làm tốt công tác tiếp thị thị trường, linh hoạt trong việc quyết định giá bán. Thực hiện các giải pháp trong quản lý, điều hành để giảm chi phí và tăng hiệu quả trong SXKD. Năm 2024 sản lượng tiêu thụ xi măng toàn Tổng công ty vượt kế hoạch.

+ Các công ty SXKD khác: Đã có nhiều giải pháp thực hiện tiết kiệm chi phí nguyên, nhiên vật liệu, điện năng, chi phí quản lý v,v... nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tăng năng suất lao động và đảm bảo được hiệu quả SXKD.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Tổng công ty:

- Hội đồng quản trị thống nhất với báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Ban điều hành Tổng công ty.

- Ban điều hành Tổng công ty đã chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT; tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.

- Đã có các giải pháp linh hoạt trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động

- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các quy định công bố thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và của UBCKNN.

- Đã tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Có biện pháp giảm các chỉ tiêu hàng tồn kho, tăng cường đôn đốc thu hồi công nợ để tăng vòng quay vốn lưu động, giảm dư vay ngắn hạn, giảm lãi vay trong giá thành, đạt các chỉ tiêu tài chính được TKV giao.

- Đối với các cán bộ quản lý trong Tổng công ty không phát hiện các dấu hiệu vi phạm quy chế, quy định của Tổng công ty và các quy định của nhà nước

- Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty là Chủ tịch HĐQT các công ty con đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ SXKD năm 2024, bảo toàn và phát triển vốn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị giai đoạn 2025-2030:

- Trong những năm tới, cơ chế chính sách của Nhà nước sẽ tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa v.v... Nền kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều áp lực và thách thức do hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. TKV gặp khó khăn do điều kiện khai thác mỏ ngày càng xuống sâu, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển lớn.

- Đối với Tổng công ty: Công tác cấp phép các dự án khai thác than gặp nhiều khó khăn. Công tác đền bù GPMB để đổ thải và khai thác than không thuận lợi, diện sản xuất chật hẹp, chi phí đền bù GPMB lớn. Thị trường tiêu thụ xi măng vẫn cạnh tranh gay gắt, các đơn vị sản xuất xi măng vẫn còn khó khăn về tài chính và thị trường tiêu thụ. Trước những dự báo tình hình trong nước, điều kiện của TKV và của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty tiếp tục chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2025 -2030 với một số nhiệm vụ trọng tâm:

1) Tổng công ty ổn định sản xuất kinh doanh, sản xuất than và xi măng hàng năm theo kế hoạch và nhu cầu thị trường.

2) Đầu tư hợp lý và có hiệu quả các dự án phục vụ sản xuất kinh doanh trước mắt và phát triển lâu dài gồm:

- Các dự án trọng điểm: Dự án mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương; Dự án mở rộng nâng công suất Mỏ than Núi Hồng; Dự án khai thác lộ thiên Mỏ than Khánh Hòa (điều chỉnh) .

- Các dự án duy trì sản xuất: Thực hiện đầu tư duy trì các mỏ than và các nhà máy xi măng, cơ khí theo kế hoạch hàng năm để đáp ứng tốt yêu cầu của sản xuất cũng như phát huy hiệu quả vốn đã đầu tư. Quan tâm chỉ đạo các dự án tại các công ty xi măng:

+ Dự án phát điện nhiệt khí thải, dự án mở rộng Mỏ đá vôi Tràng Đà tại Công ty CP Xi măng Tân Quang;

+ Dự án xếp bao tự động, dự án đóng bao tự động, điều chỉnh dự án mỏ đá vôi Đồng Chuồng tại Công ty CP Xi măng La Hiên;

+ Các dự án cải tạo hệ thống lọc bụi công đoạn nghiền liệu tại 03 nhà máy xi măng để nâng cao chất lượng xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường.

3) Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu lại Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 được Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam thông qua tại quyết định số 1423/QĐ-TKV ngày 07/8/2024, tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ,

4) Tăng cường công tác đào tạo gắn với quy hoạch, luân chuyển cán bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân sự cho quá trình hoạt động SXKD của Tổng công ty theo quy hoạch giai đoạn 2025-2030.

5) Hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SX kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, đảm bảo quyền lợi các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

6) Kế hoạch năm 2025 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025
1	Các chỉ tiêu hiện vật		
	- Than nguyên khai	1000 Tấn	930
	- Bóc đất đá	1000 m ³	10.766
	- Than sạch tự sản xuất	1000 Tấn	1.070
	- Than tiêu thụ	1000 Tấn	1.257
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.050.000
3	Tổng doanh thu	"	2.400.771
4	Lợi nhuận trước thuế	"	282.293
5	Nộp thuế TNDN	"	56.198
6	Lợi nhuận sau thuế	"	226.695
8	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	≥ 9%
9	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	187.899

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị 05 người gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc, 02 Thành viên khác và 01 Thành viên độc lập HĐQT. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu.

- Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị năm 2024:

1) Ông Lê Quang Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Giới tính: Nam Năm sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, kỹ sư máy mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 103.104.100 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa chất Việt Bắc-TKV.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa-TKV.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sắt Thạch Khê.

2) Ông Trịnh Hồng Ngân - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc:

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

3) Ông Đặng Văn Tùng - Thành viên chuyên trách HĐQT:

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 1964
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

4) Ông Vũ Minh Tân: Thành viên HĐQT

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

5) Ông Phạm Văn Lỗ: Thành viên độc lập HĐQT

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 1957
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 3.300 cổ phần
- Chức vụ tại tổ chức khác: không.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: thành lập khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và tự giải thể khi kết thúc đại hội.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện quản trị Tổng công ty theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế công bố thông tin và các Quy chế, quy định khác đảm bảo lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi để Tổng giám đốc chủ động trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh song vẫn đảm bảo sự quản lý, chỉ đạo, giám sát của HĐQT.

- Ban hành các nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ. Tăng cường giám sát quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty thông qua người đại diện của Tổng công ty tại các công ty

- Các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, tùy theo nội dung cuộc họp, HĐQT đều mời các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng có liên quan và người đại diện vốn của Tổng công ty tại công ty có vốn góp tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến.

- Phối hợp chặt chẽ với BKS, đảm bảo tính độc lập hoạt động của BKS. Mời họp và gửi các tài liệu cuộc họp HĐQT đến các BKS theo đúng quy định như đối với Thành viên HĐQT, tôn trọng ý kiến của BKS tham dự cuộc họp của HĐQT.

- Có các giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho các công ty con gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ SXKD.

- Số buổi họp HĐQT và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Quang Bình	40	100%	
2	Đặng Văn Tùng	40	100%	
3	Vũ Minh Tân	40	100%	
4	Trịnh Hồng Ngân	40	100%	
5	Phạm Văn Lỗ	40	100%	

- Số văn bản nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty năm 2024:

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
1	02/01	02/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao KH ĐTXD năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
2	02/01	03/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 6457/TKV-KCM ngày 28/12/2023	100%
3	02/01	04/QĐ-HĐQT	Tạm giao KH ĐTXD năm 2024	100%
4	02/01	06/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 02/TKV-KTM ngày 02/01/2024 và số 53/TKV-KH ngày 03/01/2024	100%
5	22/01	11/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc chỉ đạo báo cáo xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
6	22/01	12/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch PHKD quý I/2024	100%
7	22/01	13/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
8	26/01	16/QĐ-HĐQT	Quy chế quản lý hoạt động bảo vệ môi trường TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
9	29/01	17/NQ-HĐQT	Thông qua các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch PHKD năm 2024 Tổng Công ty	100%
10	29/01	18/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc báo cáo TKV thực hiện KH PHKD, quản trị chi phí năm 2023 của Tổng công ty	100%
11	29/01	19/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt điều chỉnh phương án Bồi thường GPMB mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất của Công ty than Khánh Hòa	100%
12	29/01	20/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình sân than thành phẩm- Công ty than Khánh Hòa	100%
13	29/01	21/QĐ-HĐQT	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Sân than thành phẩm- Công ty than Khánh Hòa	100%
14	29/01	22/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh Phương án: Bồi thường GPMB mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất- Công ty than Khánh Hòa	100%
15	21/02	25/NQ-HĐQT	Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 các Công ty con	100%
16	21/02	26/NQ-HĐQT	Thông qua các nội dung liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
17	21/02	27/NQ-HĐQT	Thông qua Đề cương, dự toán chi phí công tác chuẩn bị dự án cải tạo hệ thống lọc bụi công đoạn nghiền liệu Công ty CP XM Tân Quang	100%
18	21/02	28/NQ-HĐQT	Thông qua Đề cương, dự toán chi phí công tác chuẩn bị Dự án cải hệ thống lọc bụi công đoạn nghiền liệu Công ty CP XM Quán Triều	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
19	21/02	29/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc chỉ đạo xây dựng tiến độ triển khai, báo cáo HĐQT để giám sát việc thực hiện các dự án khai thác than.	100%
20	21/02	30/NQ-HĐQT	Thông qua đồng ý bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	100%
21	26/02	36/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
22	11/3	44/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024	100%
23	11/3	45/NQ-HĐQT	Thông qua cử người đại diện Tổng công ty tại một số Công ty cổ phần	100%
24	11/3	46/NQ-HĐQT	Thông qua ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở	100%
25	11/3	47/NQ-HĐQT	Thông qua thành lập Ban tổ chức, các tiểu ban phục vụ Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2024	100%
26	11/3	48/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương triển khai các thủ tục đóng cửa mỏ đối với dự án khai thác hầm lò rìa moong lộ thiên Khánh Hòa	100%
27	11/3	49/NQ-HĐQT	Thông qua đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp năm 2023	100%
28	11/3	50/NQ-HĐQT	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2023 đối với Công ty mẹ	100%
29	12/3	51/QĐ-HĐQT	Thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ năm 2024 TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
30	12/3	52/QĐ-HĐQT	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP năm 2024	100%
31	12/3	53/QĐ-HĐQT	Ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát chấp hành quyết định của CSH năm 2024 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
32	12/3	54/QĐ-HĐQT	Thành lập Tổ giúp việc Ban thư ký Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP năm 2024	100%
33	12/3	55/QĐ-HĐQT	Thay đổi Người đại diện của TCT tại Công ty CP VLXD và KDTH	100%
34	12/3	56/QĐ-HĐQT	Cử Người đại diện của Tổng Công ty CNM Việt Bắc TKV-CTCP tham gia HĐQT, BKS Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ, nhiệm kỳ 2024-2029	100%
35	12/3	57/QĐ-HĐQT	Thay đổi Người đại diện của TCT tại Công ty CP Cơ khí và Thiết bị áp lực VVMI	100%
36	12/3	58/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở tại TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
37	15/3	62/QĐ-HĐQT	Quyết toán quỹ tiền lương năm 2023 Công ty mẹ-TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
38	27/3	65/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương để Công ty than Núi Hồng- VVMI thuê hoạt động xe ô tô xe ô tô	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
			phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh	
39	27/3	66/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại PGĐ Công ty CP XM Tân Quang	100%
40	27/3	67/NQ-HĐQT	Thông qua việc mua vật tư phát sinh ngoài kế kế hoạch của Công ty CP XM Quán Triều	100%
41	27/3	68/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2024	100%
42	27/3	69/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV	100%
43	01/4	70/NQ-HĐQT	Thông qua các báo cáo trình ĐHCĐ thường niên năm 2024	100%
44	03/4	79/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo cán bộ lãnh đạo Tổng công ty giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát bổ sung)	100%
45	03/4	80/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kết quả đánh giá cán bộ năm 2023	100%
46	03/4	81/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án "Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2023"	100%
47	03/4	82/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch PHKD quý II/2024	100%
48	03/4	83/QĐ-HĐQT	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư XDCB hoàn thành dự án Đầu tư thiết bị duy trì SX năm 2023	100%
49	03/4	84/QĐ-HĐQT	Phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo của Tổng công ty giai đoạn 2020-2025 sau rà soát, bổ sung	100%
50	23/4	96/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty than Khánh Hòa-VVMI	100%
51	23/4	97/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm lại PGĐ Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	100%
52	23/4	98/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc thực hiện phê duyệt đề cương, dự toán chi phí, phê duyệt KH LCNT, phê duyệt HSMT, phê duyệt kết quả LCNT đối với hồ sơ điều chỉnh GPKT của dự án đầu tư XDCT Mỏ đá vôi Đồng Chuông	100%
53	23/4	99/NQ-HĐQT	Thông qua rà soát lại các báo cáo đề trình ĐHCĐ thường niên năm 2024	100%
54	23/4	100/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 2019/TKV-KCM+TN+AT+MT ngày 15/4/2024	100%
55	23/4	101/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 2139/TKV-TN ngày 17/4/2024	100%
56	26/4	104/QĐ-HĐQT	Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
57	26/4	105/QĐ-HĐQT	Giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2024 Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
58	26/4	106/QĐ-HĐQT	Giao kế hoạch ĐTXD năm 2024 Công ty mẹ-TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
59	13/5	108/NQ-HĐQT	Yêu cầu NĐDPV của TCT tại Cty CP Cơ khí & TBAL chỉ đạo Công ty xây dựng phương án thu hồi công nợ khó đòi tồn tại từ các năm trước.	100%
60	13/5	109/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch PHKD năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
61	13/5	110/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 2664/TKV-TN ngày 08/5/2024	100%
62	13/5	111/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt định mức tín dụng ngắn hạn bình quân và hệ số tài chính năm 2024	100%
63	13/5	112/NQ-HĐQT	Thông qua chi trả thù lao cho người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp năm 2023	100%
64	13/5	113/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 của Tổng công ty	100%
65	13/5	114/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt dự án và chuyển bước đầu tư từ KH dự phòng lên KH chính thức (công trình khởi công mới) năm 2024 đối với Dự án đầu tư thiết bị phục vụ SX mỏ than Na Dương	100%
66	13/5	115/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt dự án và chuyển bước đầu tư từ kế hoạch dự phòng lên kế hoạch chính thức (công trình khởi công mới) đối với Dự án đầu tư thiết bị duy trì SX năm 2024 mỏ than Núi Hồng	100%
67	13/5	116/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt dự án và chuyển bước đầu tư từ KH dự phòng lên KH chính thức (công trình khởi công mới) đối với Dự án đầu tư thiết bị duy trì SX năm 2024 mỏ than Khánh Hòa	100%
68	13/5	117/NQ-HĐQT	Thông qua Báo cáo kinh tế kỹ thuật ĐTXD Dự án công trình sàng tuyển than từ sản phẩm ngoài than-Mỏ than Na Dương	100%
69	14/5	118/QĐ-HĐQT	Giao kế hoạch PHKD năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
70	16/5	120/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp kiểm toán BCTC năm 2024 Tổng Công ty.	100%
71	16/5	121/NQ-HĐQT	Thông qua đồng ý cán bộ xuất cảnh nước ngoài	100%
72	16/5	122/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 2815/TKV-TN và 2817/TKV-TN ngày 15/5/2024	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
73	16/5	123/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh chuyển bước kế hoạch ĐTXD năm 2024	100%
74	16/5	124/QĐ-HĐQT	Đồng ý đề ông Đặng Văn Tùng đi dự Hội nghị khách hàng tại Trung Quốc	100%
75	22/5	125/QĐ-HĐQT	Phê duyệt Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ than Núi Hồng	100%
76	22/5	126/QĐ-HĐQT	Phê duyệt chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
77	22/5	127/QĐ-HĐQT	Phê duyệt Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm mỏ Na Dương	100%
78	22/5	128/QĐ-HĐQT	Phê duyệt chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2024 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
79	22/5	129/QĐ-HĐQT	Phê duyệt Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ than Khánh Hòa	100%
80	22/5	130/QĐ-HĐQT	Phê duyệt chuyển bước kế hoạch đầu tư năm 2024 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
81	27/5	131/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2024 của Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
82	28/5	132/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ Khánh Hòa	100%
83	29/5	134/NQ-HĐQT	Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền	100%
84	29/5	135/NQ-HĐQT	Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD Dự án mở rộng nâng công suất mỏ Núi Hồng	100%
85	29/5	136/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD thực hiện chỉ đạo của TKV tại các văn bản số 2750/TKV-TCNS ngày 13/5/2024 và số 2883/TKV-TN ngày 20/5/2024	100%
86	29/5	137/NQ-HĐQT	Thông qua đồng ý chủ trương thuê hoạt động biến tần cho hệ thống quạt ID của Công ty CP XM Tân Quang	100%
87	31/5	141/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 2 Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ than Khánh Hòa	100%
88	31/5	142/NQ-HĐQT	Thông qua giao TGD thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3056/TKV-KCM ngày 29/5/2024	100%
89	3/6	143/QĐ-HĐQT	Phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc, vận chuyển và tưới đường đập bụi thuộc dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ than Khánh Hòa	100%
90	10/6	145/NQ-HĐQT	Thông qua dự án đầu tư hệ thống xếp bao tự động Công ty CP XM La Hiên	100%
91	10/6	146/NQ-HĐQT	Thông qua giao đơn giá tiền lương năm 2024 Công ty mẹ- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
			Bắc TKV-CTCP	
92	10/6	147/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3258/TKV-TN ngày 04/6/2024	100%
93	10/6	148/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3259/TKV-TN ngày 04/6/2024	100%
94	10/6	149/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3344/TKV-ĐT ngày 10/6/2025	100%
95	10/6	150/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh chuyên bước kế hoạch ĐTXD năm 2024	100%
96	10/6	151/QĐ-HĐQT	Giao đơn giá tiền lương năm 2024	100%
97	20/6	154/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3457/TKV-ĐT ngày 14/6/2024	100%
98	20/6	155/NQ-HĐQT	Thông qua bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty than Khánh Hòa- VVMI	100%
99	20/6	156/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất mỏ than Na Dương	100%
100	20/6	157/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ than Núi Hồng	100%
101	27/6	161/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 2 Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Mỏ than Na Dương	100%
102	27/6	162/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 2 Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 Mỏ than Núi Hồng	100%
103	27/6	163/QĐ-HĐQT	Phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc thuộc Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Mỏ than Na Dương	100%
104	27/6	164/QĐ-HĐQT	Phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị gạt, bốc xúc và tưới đường đập bụi thuộc Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 Mỏ than Núi Hồng	100%
105	8/7	166/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc báo cáo thực hiện kế hoạch PHKD, khoán chi phí 6 tháng đầu năm 2024	100%
106	8/7	167/NQ-HĐQT	Thông qua hướng dẫn xây dựng kế hoạch kế hoạch PHKD năm 2025; Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2021-2025 và xây dựng kế hoạch 5 năm 2026-2030	100%
107	8/7	168/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch PHKD quý III/2024	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
108	8/7	169/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương đề Tổng giám đốc tiến hành thuê tư vấn thẩm định giá để xác định giá khởi điểm cho thuê mặt bằng	100%
109	8/7	170/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD chỉ đạo để xác định khả năng thanh toán thực tế công nợ khó đòi của Công ty CP CK&TBAL trong tháng 7/2024	100%
110	8/7	171/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc chỉ đạo xử lý công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng theo quy định của Công ty CP XM Quán Triều	100%
111	22/7	178/NQ-HĐQT	Thông qua chuyển bước ĐTXD dự án Hệ thống xếp bao tự động-Công ty CP XM La Hiên	100%
112	22/7	179/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV về việc tiêu thụ cám sét mỏ Na Dương	100%
113	22/7	180/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 3924/TKV-ĐT ngày 08/7/2024	100%
114	22/7	181/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 151/KH-TKV ngày 15/7/2024	100%
115	24/7	182/NQ-HĐQT	Thông qua giao Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 4083/TKV-TN ngày 15/7/2024	100%
116	30/7	186/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc, vận chuyển và tưới đường đập bụi thuộc Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 Mỏ than Khánh Hòa	100%
117	30/7	187/NQ-HĐQT	Thông qua tiếp nhận lao động	100%
118	30/7	188/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc, vận chuyển và tưới đường đập bụi thuộc Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 Mỏ than Khánh Hòa	100%
119	30/7	189/NQ-HĐQT	Thông qua đề các cán bộ Tổng công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc	100%
120	30/7	190/NQ-HĐQT	Thông qua việc tổ chức cho cán bộ, người lao động Công ty mẹ-TCT đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc	100%
121	30/7	191/QĐ-HĐQT	Đồng ý cán bộ đi nước ngoài	100%
122	9/8	193/NQ-HĐQT	Thông qua kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp số 02: "Thi công khoan thăm dò phục vụ đánh giá ổn định bờ trụ via 4 Mỏ than Na Dương"	100%
123	9/8	194/NQ-HĐQT	Thông qua đề cán bộ Tổng công ty đi tham quan, du lịch tại Trung Quốc	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
124	9/8	195/QĐ-HĐQT	Đồng ý cán bộ đi nước ngoài	100%
125	14/8	197/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt Đề án tái cơ cấu tại TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP đến năm 2025	100%
126	14/8	198/QĐ-HĐQT	Phê duyệt Đề án tái cơ cấu tại TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP đến năm 2025	100%
127		202/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kết quả LCNT Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc thuộc Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Mỏ than Na Dương	100%
128		203/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc, vận chuyển và tưới đường đập bụi thuộc Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ than Núi Hồng	100%
129		204/NQ-HĐQT	Thông qua kế hoạch triển khai sắp xếp doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu lại TCT đến năm 2025	100%
130		205/NQ-HĐQT	Thông qua chuyển bước ĐTXD dự án ĐTXD công trình phục vụ sản xuất mỏ Khánh Hòa	100%
131	19/8	206/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kết quả LCNT Gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc thuộc Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất Mỏ than Na Dương	100%
132	19/8	207/QĐ-HĐQT	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Cung cấp thiết bị bốc xúc, vận chuyển và tưới đường đập bụi thuộc Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2024 mỏ than Núi Hồng	100%
133	20/8	210/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 4697/TKV-ĐT ngày 20/8/2024	100%
134	26/8	212/NQ-HĐQT	Thông qua Đề cương-Dự toán chi phí công tác chuẩn bị dự án đầu tư hệ thống phát điện sử dụng khí thải	100%
135	26/8	213/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 4768/TKV-ĐT ngày 23/8/2024	100%
136	26/8	214/NQ-HĐQT	Thông qua Quy định luân chuyển cán bộ của Tổng công ty	100%
137	26/8	215/QĐ-HĐQT	Thành lập Ban chỉ đạo triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đến năm 2025	100%
138	26/8	216/QĐ-HĐQT	Phân công nhiệm vụ Ban chỉ đạo triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đến năm 2025	100%
139	26/8	217/QĐ-HĐQT	Ban hành kế hoạch triển khai sắp xếp doanh nghiệp theo Đề án cơ cấu lại TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP đến năm 2025	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
140	26/8	219/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý công tác đào tạo-bồi dưỡng trong Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
141	5/9	222/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh chuyên bước kế hoạch ĐTXD năm 2024	100%
142	18/9	226/NQ-HĐQT	Thông qua hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai do cơn bão số 3	100%
143	23/9	228/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt phương án bồi thường GPMB nghĩa trang Tiên Đốc (Di chuyển nghĩa trang khu 5 giai đoạn 2)	100%
144	23/9	229/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt phương án bồi thường GPMB Mỏ than Núi Hồng (Khu 1B)	100%
145	23/9	230/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt phương án bồi thường GPMB Mỏ than Núi Hồng (Nắn suối thấu kính II)	100%
146	23/9	231/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 5233/TKV-TN ngày 18/9/2024	100%
147	23/9	232/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt phương án bồi thường GPMB mỏ than Núi Hồng (Chống sạt lở khu 4)	100%
148	25/9	233/QĐ-HĐQT	Phê duyệt Phương án: Bồi thường GPMB nghĩa trang Tiên Đốc (Di chuyển nghĩa trang Khu 5 giai đoạn 2)- Công ty than Núi Hồng	100%
149	25/9	234/QĐ-HĐQT	Phê duyệt phương án Bồi thường GPMB mỏ than Núi Hồng (Khu 1B)	100%
150	25/9	235/QĐ-HĐQT	Phê duyệt phương án Bồi thường GPMB mỏ than Núi Hồng (Nắn suối thấu kính II)	100%
151	25/9	236/QĐ-HĐQT	Phê duyệt phương án Bồi thường GPMB mỏ than Núi Hồng (Chống sạt lở khu 4)	100%
152	26/9	238/NQ-HĐQT	Thông qua công tác cán bộ	100%
153	7/10	240/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 225/CT-TKV ngày 30/9/2024	100%
154	7/10	241/NQ-HĐQT	Thông qua phương án thực hiện việc cho thuê tài sản tại K/s Mê Linh	100%
155	7/10	242/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 5483/TKV-ĐT Văn bản số 5483/TKV-ĐT và 5579/TKV-CV	100%
156	14/10	248/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao KH PHKD quý IV/2024	100%
157	21/10	250/NQ-HĐQT	Thông qua công tác cán bộ	100%
158	21/10	251/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 5803/TKV-KCM+TN+AT ngày 17/10/2024	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
159	21/10	252/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP	100%
160	29/10	255/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024-2025	100%
161	29/10	256/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024-2025	100%
162	29/10	257/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Tân Quang-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024-2025	100%
163	29/10	258/NQ-HĐQT	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Tân Quang-VVMI vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2024-2025	100%
164	29/10	259/NQ-HĐQT	Thông qua ngành nghề kinh doanh bất động sản cho Công ty CP VLXD&KDTH-VVMI	100%
165	29/10	260/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho TGD chỉ đạo NĐDPV của TCT tại Công ty CP CK&TBAL-VVMI	100%
166	30/10	261/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
167	30/10	262/NQ-HĐQT	Thông qua phương án và dự toán phòng ngừa sự cố môi trường khu vực hồ chứa nước +274 phía bờ trụ khu II Mỏ than Na Dương	100%
168	4/11	263/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng trong Công ty mẹ	100%
169	4/11	264/QĐ-HĐQT	Ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
170	18/11	266/NQ-HĐQT	Thông qua thuê tư vấn thẩm định giá trị tài sản	100%
171	26/11	268/NQ-HĐQT	Thông qua phương án cho thuê tại Văn phòng 93 Láng Hạ	100%
172	26/11	269/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương điều động bổ nhiệm 01 PGĐ Công ty than Núi Hồng	100%
173	26/11	270/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương điều động bổ nhiệm 01 PGĐ Công ty than Na Dương	100%
174	26/11	271/NQ-HĐQT	Thông qua thuê tư vấn triển khai thực hiện việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Than- Điện Nông Sơn	100%
175	26/11	272/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương cho thuê dịch vụ tư vấn công bố thông tin Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP bằng tiếng Anh	100%
176	26/11	273/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản lý người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
			CTCP tại các doanh nghiệp	
177	4/12	275/NQ-HĐQT	Thông qua giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP điều chỉnh	100%
178	4/12	276/QĐ-HĐQT	Giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024 điều chỉnh	100%
179	4/12	277/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
180	4/12	278/QĐ-HĐQT	Tạm giao kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025	100%
181	17/12	280/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao kế hoạch PHKD năm 2025 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
182	17/12	281/NQ-HĐQT	Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch năm 2025	100%
183	17/12	282/QĐ-HĐQT	Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2025 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
184	17/12	283/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
185	19/12	285/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa	100%
186	19/12	286/NQ-HĐQT	Trích Nghị quyết HĐQT về việc thông qua nội dung đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại GCN đầu tư số 17 121 000 047 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 11/12/2014	100%
187	26/12	288/NQ-HĐQT	Thông qua điều động bổ nhiệm PGĐ Công ty than Na Dương	100%
188	26/12	289/NQ-HĐQT	Thông qua điều động bổ nhiệm PGĐ Công ty than Núi Hồng	100%
189	26/12	290/NQ-HĐQT	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 7251/TKV-KCM ngày 25/12/2024	100%
190	26/12	291/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh phương án Bồi thường GPMB mở rộng Bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than (Giai đoạn 2)-Công ty than Khánh Hòa	100%
191	26/12	292/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của phương án Bồi thường GPMB mở rộng Bãi thải Nam (Giai đoạn 2)-Công ty than Khánh Hòa	100%

TT	Ngày tháng	Số văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Tỷ lệ thông qua
192	30/12	294/NQ-HĐQT	Thông qua tạm giao đơn giá tiền lương năm 2025 Công ty mẹ	100%
193	30/12	295/QĐ-HĐQT	Tạm giao đơn giá tiền lương năm 2025 Công ty mẹ	100%
194	30/12	296/NQ-HĐQT	Thông qua điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2024	100%
195	30/12	297/NQ-HĐQT	Thông qua phê duyệt giá trị tài sản Văn phòng 93 Láng Hạ	100%
196	30/12	298/NQ-HĐQT	Thông qua tuyển dụng lao động	100%
197	30/12	299/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung đề Người đại diện phần vốn của Tổng công ty biểu quyết tại Công ty CP Than-Điện Nông Sơn TKV	100%
198	30/12	300/QĐ-HĐQT	Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	100%
199	30/12	301/QĐ-HĐQT	Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2024	100%
200	30/12	302/QĐ-HĐQT	Phê duyệt giá trị tài sản Văn phòng 93 Láng Hạ	100%

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2024, Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp trong tổ chức SXKD, theo đó tập trung vào các nội dung sau: tăng cường quản lý điều hành các chỉ tiêu kỹ thuật, công nghệ từ khâu thiết kế, tổ chức thi công, nghiệm thu sản phẩm, tận thu tối đa tài nguyên; tổ chức điều hành sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động; tập trung quản lý giá cả đầu vào, chủ động điều hành dòng tiền, trả gốc trước hạn giảm chi phí lãi vay, cụ thể:

- Chấp hành kỷ luật điều hành, sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch ghi trong Nghị quyết ĐHCĐ. Trên cơ sở đó Tổng công ty đã chỉ đạo các đơn vị trong Tổng công ty bám sát diễn biến của thị trường, thực hiện nghiêm túc cơ chế điều hành kế hoạch năm 2024 của Tổng công ty.

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các công đoạn sản xuất kinh doanh. Thực hiện cơ chế phối hợp sản xuất kinh doanh, các công ty tự chịu trách nhiệm về công tác khoán quản trị chi phí, giao và nghiệm thu chi phí khoán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình theo pháp luật hiện hành.

- Tăng cường triển khai áp dụng cơ giới hóa, tin học hóa và tự động hóa vào sản xuất và quản lý. Thực hiện mua sắm vật tư đúng quy định, đảm bảo chất lượng với giá cả cạnh tranh.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư. Nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Tổng công ty an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro của toàn Tổng công ty, kiểm soát rủi ro về công nợ, hàng tồn kho, tăng cường công tác tu hồi công nợ, nhằm giảm nợ và tăng hiệu quả của việc sử dụng vốn.

2. Ban kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP MVB (%)	Ghi chú
1	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng ban	0 %	
2	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên	0 %	
3	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0,0028%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 7 cuộc họp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát như: xây dựng kế hoạch công tác năm, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị của Tổng công ty và các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Ban kiểm soát, cụ thể:

- *Lần 1*, họp xem xét và thống nhất việc lập kế hoạch công tác năm 2024 của BKS;

- *Lần 2*, họp xem xét và thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý IV và năm 2023;

- *Lần 3*, họp xem xét việc Thẩm định BCTC năm 2023 của Tổng công ty;

- *Lần 4*, họp xem xét và thống nhất nội dung báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;

- *Lần 5*, họp xem xét và thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý I năm 2024;

- *Lần 6*, họp xem xét và thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý II và 6 tháng đầu năm 2024;

- *Lần 7*, họp xem xét và thống nhất các nội dung báo cáo TKV về việc thực hiện nhiệm vụ quý III và 9 tháng đầu năm 2024.

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung tại các cuộc họp đã được các thành viên thảo luận, thống nhất với tỷ lệ 100%.

*** Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:**

Năm 2024, Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát theo các nội dung được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024; các quy định trong Điều lệ của Tổng công ty, quy định của Pháp luật. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ kiểm tra giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ, triển khai thực hiện các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Tổng công ty để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động thực tế tại các đơn vị trong Tổng công ty, nhằm kiểm soát hoạt động của các đơn vị và Tổng công ty đảm bảo tuân theo quy định của Pháp luật cũng như định hướng của ĐHĐCĐ. Qua đó, kịp

thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT trong việc quản lý, điều hành và thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và quy mô phát triển của Tổng công ty. Chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm 2024 HĐQT đã sửa đổi, bổ sung và ban hành lại 10 quy chế; Tổng giám đốc đã ban hành 9 quy định để phục vụ cho việc quản trị nội bộ trong Tổng công ty.

- Năm 2024, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động đề ra đồng thời phối hợp với HĐQT, Ban lãnh đạo và một số phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty thực hiện kiểm tra, giám sát một số chuyên đề liên quan đến hoạt động SXKD tại các đơn vị trực thuộc và công ty con; kiểm soát việc quản lý và sử dụng vốn tại văn phòng của Tổng công ty; kiểm tra giám sát việc chấp hành của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty về các vấn đề trên tại các công ty con của Tổng công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của số liệu báo cáo tài chính trình ĐHCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực như: tài sản, vật tư, tiền vốn, tuyển dụng, sử dụng và chế độ của người lao động.

- Ban kiểm soát đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông và người có liên quan của Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Tổng giám đốc. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin, xem xét thư quản lý của Công ty TNHH kiểm toán BDO và ý kiến phản hồi của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Thực hiện việc báo cáo thường xuyên theo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV) kịp thời, đúng quy định.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cuộc họp khác của Tổng công ty (khi được mời) với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ giữa các Thành viên trong Ban kiểm soát, với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông của Tổng công ty.

Ban kiểm soát đã làm việc đúng chức năng của mình với tinh thần trách nhiệm cao, làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phân hành mình được phân công, kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ của các hoạt động trong sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty; thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành khi phát hiện ra những sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Tổng công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Tiền lương quyết toán năm 2024:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền lương năm 2024 (đồng)	Tiền lương bq tháng năm 2024 (đồng)
1	Trịnh Hồng Ngân	Tổng giám đốc	612.000.000	51.000.000
2	Vũ Minh Tân	Phó Tổng giám đốc	550.800.000	45.900.000
3	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT	550.800.000	45.900.000
4	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	550.800.000	45.900.000
5	Phạm Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	550.800.000	45.900.000
6	Nguyễn Thạc Tân	Phó Tổng giám đốc	550.800.000	45.900.000
7	Lê Thị Thu Hiền	Trưởng Ban KS	571.200.000	47.600.000
8	Lê Minh Hiền	Kế toán trưởng	510.000.000	42.500.000
	Tổng cộng		4.447.200.000	

b) Thù lao Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2024:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền thù lao năm 2024 (đồng)	Tiền thù lao bq năm 2024 (đồng/tháng)
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	74.400.000	6.200.000
2	Trịnh Hồng Ngân	Thành viên HĐQT	64.800.000	5.400.000
3	Vũ Minh Tân	Thành viên HĐQT	64.800.000	5.400.000
4	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên Ban KS	60.000.000	5.000.000
5	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Ban KS	60.000.000	5.000.000
	Tổng cộng		324.000.000	

c) Phụ cấp thành viên độc lập HĐQT năm 2024:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền phụ cấp năm 2024 (đồng)	Tiền phụ cấp bq năm 2024 (đồng/tháng)
1	Phạm Văn Lỗ	Thành viên độc lập HĐQT	324.000.000	27.000.000
	Tổng cộng		324.000.000	

d) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.

e) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: như biểu chi tiết kèm theo.

g) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:* Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP vào ngày 31/12/2024. Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đã công bố thông tin theo quy định gồm:*

- Báo cáo tài chính năm Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, Ban KS (e-copy);
- Tổng GD, Các PTGD (e-copy);
- Các phòng Tổng công ty (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Tcty (T.03)

sl

**Người đại diện theo Pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Hồng Ngân

GIAO DỊCH NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY 31/12/2024
(Báo cáo thường niên năm 2024 Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP)

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam (TKV)	Cổ đông lớn	Hợp đồng khai thác, sàng tuyển chế biến than năm 2024 số 368/2023/HĐKD ngày 29/12/2023	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng Dịch vụ giao nhận than số 316/HDDV/TKV-VVMI ngày 29/12/2023	
			Hợp đồng mua bán than năm 2024 số 294/HĐ/TKV-VVMI ngày 29/12/2023	
	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả-Vinacomin-CN TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng mua bán than năm 2024 số 20/2024/HĐ/KVCP-CNMVB ngày 01/01/2024	
Trung tâm Cấp cứu mỏ -Vinacomin Chi nhánh TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng huấn luyện thường xuyên, thường trực giải quyết sự cố; kiểm tra phòng ngừa sự cố trong khai thác than-khoáng sản năm 2024 số 116/HĐ-KTKH ngày 16/1/2024 với giá trị HĐ là 2.898.916.040 đồng		
2	Công ty CP giám định-Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng giám định than năm 2024 số 1877/HĐGD/QUACONTROL-CNMVB ngày 31/12/2023	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng giám định than năm 2024 số 5162/HĐGD/QUACONTROL-ND ngày 29/12/2023 với giá trị HĐ là 37.453.052 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
3	Viện Khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng lập Phương án kỹ thuật-dự toán: Quan trắc dịch động bờ trụ via 4 mỏ than Na Dương năm 2024 số 596/HĐ-KTKH ngày 20/3/2024 với giá trị HĐ là 15.450.022 đồng	
			Hợp đồng tư vấn lập Phương án kỹ thuật-dự toán: Quan trắc dịch động bãi thải mỏ than Na Dương năm 2024 số 598/HĐ-KTKH ngày 20/3/2024 với giá trị HĐ là 4.711.714 đồng	
			Hợp đồng tư vấn lập Phương án kỹ thuật, thi công, dự toán khoan thăm dò phục vụ đánh giá ổn định bờ trụ via 4 mỏ than Na Dương số 659/HĐ-KTKH ngày 27/3/2024 với giá trị HĐ là 85.745.791 đồng	

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng thi công phương án quan trắc dịch động bãi thải mỏ than Na Dương năm 2024 số 1422/HĐ-KTKH ngày 05/7/2024 với giá trị HĐ là 219.760.087 đồng	
			Hợp đồng thi công phương án quan trắc dịch động bờ trụ via 4 mỏ than Na Dương năm 2024 số 1421/HĐ-KTKH ngày 05/7/2024 với giá trị HĐ là 710.472.425 đồng	
			Hợp đồng tư vấn nghiên cứu đánh giá tính khả thi sản phẩm ngoài than và tính chất đá thải mỏ than Núi Hồng số 1673/HĐ-KTKH ngày 02/8/2024 với giá trị HĐ là 1.625.507.203 đồng	
4	Công ty TNHH MTV Môi trường-TKV	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng xử lý nước thải năm 2024 số 3427/HĐ/TKH-MTTKV ngày 29/12/2023 với giá trị hợp đồng là 8.644.773.600 đồng	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng xử lý nước thải mỏ thành nước thải công nghiệp số 4994/HĐ-KHTT ngày 25/12/2023 với giá trị HĐ là 10.573.479.504 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng về việc xử lý nước thải mỏ thành nước công nghiệp số 135/2024-XLNTNH ngày 29/12/2023, giá trị hợp đồng: 12.110.700.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng tư vấn lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản than tại khu vực hầm lò phần rìa moong lộ thiên mỏ than Khánh Hòa số 1508/HĐ-KTKH ngày 16/7/2024 với giá trị HĐ là 1.684.708.452 đồng	
			Hợp đồng tư vấn lập báo cáo kiểm kê trữ lượng theo Giấy phép khai thác số 3226/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 mỏ than Núi Hồng số 2584/HĐ-KTKH ngày 30/12/2024 với giá trị HĐ là 486.224.445 đồng	
5	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Người có liên quan của cổ đông lớn (Công	Hợp đồng thuê nổ mìn, đảm bảo an toàn bãi nổ mìn số 3317/2024/HĐNM/ HCM -TKH ngày 20/12/2023 với giá trị HĐ là 43.323.882.911 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
		ty con của Tổng công ty Hóa chất mỏ-Vinacomin)	Hợp đồng nổ mìn phá đá năm 2024 số 4904/2024/HĐNM/HCM-TND ngày 20/12/2023 với giá trị HĐ là 15.518.807.586 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng nổ mìn năm 2024 số 98/2024/HCM-NH ngày 29/12/2024, giá trị hợp đồng: 1.175.847.580 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
6	Công ty CP Tin học, công nghệ, môi trường - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng tư vấn lập Phương án kỹ thuật-dự toán: Quan trắc dịch động bãi thải mỏ than Khánh Hòa năm 2024 số 597/HĐ-KTKH ngày 20/3/2024 với giá trị HĐ là 7.827.410 đồng	
			Hợp đồng tư vấn lập Phương án kỹ thuật-dự toán:Thành lập lưới khống chế mỏ than Khánh Hòa năm 2024 số 599/HĐ-KTKH ngày 20/3/2024 với giá trị HĐ là 5.355.522 đồng	
			Hợp đồng lập báo cáo kiểm kê trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 2242/GP-BTNMT ngày 03/9/2019 mỏ than Khánh Hòa số 1025/HĐ-KTKH ngày 17/5/2024 với giá trị HĐ là 498.065.004 đồng	
			Hợp đồng thi công phương án Quan trắc dịch động bãi thải mỏ than Khánh Hòa năm 2024 số 1344/HĐ-KTKH ngày 26/6/2024 với giá trị HĐ là 352.289.016 đồng	
			Hợp đồng thi công phương án Thành lập lưới khống chế mỏ than Khánh Hòa năm 2024 số 1345/HĐ-KTKH ngày 26/6/2024 với giá trị HĐ là 240.161.177 đồng	
7	Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng mua bán than số 02/TNK/2024/HĐMB/THB-TND ngày 04/01/2024 với giá trị HĐ là 290.921.251.925 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán than số 14/TNK/2024/HĐMB/THB-TND ngày 27/9/2024 với giá trị HĐ là 123.106.607.521 đồng	

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
8	Công ty CP Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng tư vấn số 02/2024/HĐ-KH lập BC nghiên cứu khả thi DA "Đầu tư thiết bị duy trì SX năm 2024 mỏ than Khánh Hòa" ngày 15/1/2024 với giá trị HĐ là 390.000.000 đồng	
			Hợp đồng tư vấn số 06/2024/HĐ-KH lập BC nghiên cứu khả thi DA "Đầu tư thiết bị duy trì SX năm 2024 mỏ than Na Dương" ngày 26/1/2024 với giá trị HĐ là 120.000.000 đồng	
			Hợp đồng tư vấn số 07/2024/HĐ-KH lập BC nghiên cứu khả thi DA "Đầu tư thiết bị duy trì SX năm 2024 mỏ than Núi Hồng" ngày 26/1/2024 với giá trị HĐ là 205.000.000 đồng	
9	Công ty CP Địa chất Việt Bắc – TKV.	Người có liên quan của cổ đông lớn	Hợp đồng tư vấn lập đề án thăm dò mỏ Núi Hồng số 512/HĐ-KTKH ngày 15/3/2024 với giá trị HĐ là 333.880.150 đồng	
			Hợp đồng tư vấn lập phương án kỹ thuật-dự toán khoan thăm dò khai thác mỏ than Na Dương năm 2024 số 658/HĐ-KTKH ngày 27/3/2024 với giá trị HĐ là 42.754.157 đồng	
			Hợp đồng tư vấn lập phương án thi công- dự toán khoan thăm dò khai thác mỏ than Na Dương năm 2024 số 930/HĐ-KTKH ngày 04/5/2024 với giá trị HĐ là 26.062.002 đồng	
			Hợp đồng lập báo cáo kiểm kê trữ lượng theo Giấy phép khai thác số 3227/GP-BTNMT ngày 30/12/2024 số 1003/HĐ-KTKH ngày 16/5/2024 với giá trị HĐ là 492.933.875 đồng	
			Hợp đồng thi công khoan thăm dò khai thác mỏ than Na Dương năm 2024 số 1651/HĐ-KTKH ngày 31/7/2024 với giá trị HĐ là 2.784.998.204 đồng	

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng thi công khoan thăm dò phục vụ đánh giá ổn định bờ trụ via 4 mỏ than Na Dương số 08261.1/HĐ-KTKH ngày 02/8/2024 với giá trị VNĐ là 6.403.770.055 đồng	
10	Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán đá sét (đá thải sau sàng) số : 02/HĐMB/TKH-XMLH ngày 02/1/2024 với giá trị VNĐ là 2.803.828.500 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
11	Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán than năm 2024 số 2540/HĐ-KTKH ngày 29/12/2023	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng mua bán đá vôi thải số: 1230 /HĐ/ XMQT - TKH ngày 30/12/2023 với giá trị VNĐ là 26.906.193.112 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán đá sét (đá thải sau sàng) số 0321 /HĐMB/ XMQT - TKH ngày 30/12/2023 với giá trị VNĐ là 4.455.000.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua Xi măng số: 01/2024/HĐMB ngày 24/01/2024 với giá trị hợp đồng: 10.149.074 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua xi măng số: 03/2024 ngày 12/04/2024 với giá trị hợp đồng: 68.009.259 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng số 1231/2024//HĐMB ngày 31/12/2023, giá trị hợp đồng: 17.849.820.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng vận chuyển than bằng đường sắt số 134/HĐQT-NH ngày 28/12/2023, giá trị hợp đồng: 2.000.000.000 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán vỏ bao XM số 0607/2024//HĐMB ngày 06/7/2024, giá trị hợp đồng: 20.261.460.600 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng mua xi măng số 116/2024/HĐMB, ngày 12/10/2024, giá trị hợp đồng: 3.871.297 đồng	
12	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	Công ty con	Hợp đồng mua bán than năm 2024 số 2541/HĐ-KTKH ngày 29/12/2023	Hợp đồng nguyên tắc
			Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng số 24.01.30.NH/HĐ-CTQ ngày 30/01/2024, giá trị 11.084.141.250 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán vỏ bao xi măng số 24.07.29.NH/HĐ-CTQ ngày 29/7/2024, giá trị hợp đồng 13.288.338.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
13	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	Công ty con	Hợp đồng số 458 /HĐ/TKH - CKM/2024 ngày 16/2/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 35; với giá trị HĐ là 3.778.946.004 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 493/HĐ/TKH - CKM/2024 ngày 19/2/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 38; với giá trị HĐ là 3.732.752.475 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu Gạt CAT D7R số 2: HĐ 655/TKH- CKM /2024, ký ngày 01 tháng 03 năm 2024 với giá trị HĐ là 2.678.516.456 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 1410/HĐ/TKH - CKM/2024 ngày 06/5/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe HD 465-7R số 20; với giá trị HĐ là 3.687.250.950 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 1510/HĐ/TKH - CKM/2024 ngày 15/5/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe HD 465 -7R số 41; với giá trị HĐ là 3.676.497.435 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng gia công trục ru lô số: 187/2024/HĐMB.CKM-TN ngày 15/05/24, giá trị hợp đồng: 16.000.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số: 01/HĐ/CKM-TNH/2023 ngày 06/03/2024 V/v sửa chữa trung đại tu xe ô tô Howo 371 số 29, giá trị hợp đồng: 508.298.733 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng số: 02/HĐ/CKM-TNH/2024 ngày 29 tháng 03 năm 2024 V/v sửa chữa trung đại tu xe ô tô CAT 773E số 36, giá trị hợp đồng: 3.299.802.969 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số: 03/HĐ/CKM-TNH/2024 ngày 03 tháng 04 năm 2024 V/v sửa chữa trung đại tu máy gạt CAT D6RIII số 2, giá trị hợp đồng: 1.065.629.024 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số: 04/HĐ/CKM-TNH/2023 04/HĐ/CKM-TNH/2023 ngày ngày 24 tháng 06 năm 2024 V/v sửa chữa trung đại tu xe ô tô Howo 371 số 27, giá trị hợp đồng: 483.657.548 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán vật tư số 0446/HĐ- VT ngày 26/01/2024 với giá trị HĐ là 323.950.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			HĐ số 1508/HĐ-TND/CKM/2024 ngày 12/4/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe Volvo A40G số 92 với giá trị HĐ là 3.450.165.038 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			HĐ số 1557/HĐ-TND/CKM/2024 ngày 17/4/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe Volvo A40G số 93 với giá trị HĐ là 3.455.833.653 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			HĐ số 2328/HĐ/TND-CKM/2024 ngày 19/6/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xúc CAT 336 DL với giá trị HĐ là 3.237.565.734 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			HĐ số 1886/HĐ/TKH-CKM/2024 ngày 17/6/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 57; với giá trị HĐ là 2.191.504.776 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 2086/HĐ/TKH - CKM/2024 ngày 01/7/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe HD 465 -7R số 43; với giá trị HĐ là 3.731.307.970 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu Gạt CAT D7R số 1: HĐ 2227/TKH- CKM /2024, ký ngày 10 tháng 07 năm 2024 với giá trị HĐ là 2.853.347.264 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			HĐ số 2812/HĐ/TKH-CKM/2024 ngày 28/8/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 56; với giá trị HĐ là 2.224.831.817 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 3120/HĐ/TKH-CKM/2024 ngày 26/9/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe CAT 773E số 58; với giá trị HĐ là 2.288.504.969 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 3287/HĐ/TKH - CKM/2024 ngày 04/10/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe HD 465 - 7R số 42; với giá trị HĐ là 3.621.518.974 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu Gạt CAT D7R số 3: HĐ 3493/TKH- CKM /2024, ký ngày 18 tháng 10 năm 2024 với giá trị HĐ là 2.460.053.779 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu máy xúc KOMATSU PC850 số 1: HĐ 3306/TKH- CKM /2024, ký ngày 07 tháng 10 năm 2024 với giá trị HĐ là 2.177.668.733 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số: 05/HĐ/CKM-TNH/2024 ngày 24/10/2024 V/v sửa chữa trung đại tu xe máy xúc CAT 336D2L số 1, giá trị hợp đồng: 2.332.430.298 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 12 HĐMB: CKM-TNH ngày 14/10/2024 mua khớp nối HGT băng tải, Giá trị hợp đồng: 14.000.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 14 HĐMB: CKM-TNH ngày 06/11/2024 mua Trục dọc động cơ xúc điện E2503, Giá trị hợp đồng: 19.000.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 16 HĐMB: CKM-TNH ngày 12/11/2024 mua Trục sàng rung fi 130xL2540 Giá trị hợp đồng: 20.470.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 16 HĐMB: CKM-TNH ngày 29/11/2024 mua khớp nối, Giá trị hợp đồng: 7.000.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng số 2562/HĐ/TND-CKM/2024 ngày 5/7/2024 về việc sửa chữa trung đại tu gạt D65EX số 1 với giá trị HĐ là 1.624.800.110 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 3327/HĐ/TND-CKM/2024 ngày 16/09/2024 về việc sửa chữa trung đại tu gạt D7R số 2 với giá trị HĐ là 2.687.683.634 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán vật tư số 4129/HĐ-VT ngày 03/12/2024 với giá trị HĐ là 5.280.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
14	Công ty CP Cơ khí và thiết bị áp lực-VVMI	Công ty con	Hợp đồng 1175/HĐ/APLUCO-TNH/2024 ngày 25 tháng 06 năm 2024 sửa chữa trung đại tu máy xúc Hyundai 140LC-9S số 2, giá trị hợp đồng: 883.387.556 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng mua bán vật tư số 0456/HĐ- VT ngày 5/2/2024 với giá trị HĐ là 63.607.500 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số: 653 /HĐ /TKH- CKAL /2024, ký ngày 01/3/2024 sửa chữa trung đại tu xe máy xúc lật ZL50C với giá trị HĐ là 536.300.152 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 531 /HĐ/TKH - CKAL/2024 ngày 21/2/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe ô tô HOWO số 63; với giá trị HĐ là 518.445.942 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 1089/TKH- CKAL/2024, ký ngày 09/4/2024 sửa chữa trung đại tu Gạt KOMATSU D65 EX số 1 với giá trị HĐ là 2.015.454.120 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			HĐ số 2064/HĐ/APLUCO-TNH/2024 ngày 27/9/2024 về việc sửa chữa trung đại tu máy gạt Komatsu D65EX-16 số 1, giá trị hợp đồng: 1.702.640.537 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 2428/HĐ/APLUCO-TNH/2024 ngày 01/11/2024 V/v sửa chữa trung đại tu máy xúc Hyundai 210 số 2, giá trị hợp đồng: 962.181.316 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số 1887 /HĐ/TKH - CKAL/2024 ngày 17/6/2024 về việc sửa chữa trung đại tu xe ô tô HOWO số 64; với giá trị HĐ là 549.261.342 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết

TT	Tên DN/cá nhân thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với Tổng công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
			Hợp đồng sửa chữa trung đại tu máy xúc Hyundai 180: Hợp đồng số: 2673 /HĐ /TKH- CKAL /2024, ký ngày 04 tháng 9 năm 2024 với giá trị HĐ là 1.060.765.212 đồng.	Hợp đồng do Công ty than Khánh Hòa-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
15	Cty CP VLXD và KDTH - VVMI	Công ty con	HĐ nguyên tắc thuê vận chuyển than bằng đường sắt số 2902/HĐKT ngày 29/2/2024	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
16	CT CP Khách sạn Thái Nguyên -VVMI	Công ty con	Hợp đồng dịch vụ tổ chức thăm quan du lịch cho cán bộ nhân viên năm 2024 số 1022/HĐ-KTKH ký ngày 17/5/2024 với giá trị HĐ là 1.647.756.000 đồng	
			Hợp đồng mua quà tết số: 06/HĐKT ngày 10/01/2024, giá trị hợp đồng: 600.768.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng dịch vụ tham quan nghỉ mát tại Hòa Bình-Mộc Châu- Điện Biên Số 1728/HĐ/TND-KSTN ngày 2/5/2024 với giá trị HĐ là 611.335.080 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng dịch vụ tham quan nghỉ mát tại Đà Nẵng-Hội An Số 1848/HĐ/TND-KSTN ngày 10/5/2024 với giá trị HĐ là 1.041.579.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng dịch vụ tham quan nghỉ mát tại Cửa Lò-Quảng Bình số 1907/HĐ/TND-KSTN ngày 15/5/2024 với giá trị HĐ là 497.124.000 đồng	Hợp đồng do Công ty than Na Dương-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết
			Hợp đồng số: 89A/2024 ngày 08/10/2024 mua sữa Mộc Châu 180ml, Giá trị hợp đồng :494.841.600 đồng	Hợp đồng do Công ty than Núi Hồng-VVMI (là Chi Tổng công ty) ký kết